

Số: 864 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán Ngân sách nhà nước năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND, ngày 13/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3729/UBND-KGVX ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương tạm thời giao Bệnh viện Phổi Đồng Nai là bệnh viện điều trị Covid-19 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 7306/UBND-KTNS ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh về việc kinh phí hỗ trợ ngân sách Trung ương mua thuốc chống lao hàng 1 năm 2020 theo chương trình mục tiêu y tế dân số;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-UBND, ngày 23/07/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị Quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2020 (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 9079/UBND-KTNS ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kinh phí sửa chữa các cơ sở y tế;

Căn cứ Công văn số 9123/UBND-KTNS, ngày 05/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kinh phí mua kit xét nghiệm chẩn đoán Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-STC ngày 09/12/2019 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-STC ngày 25/02/2020 của Sở Tài chính về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 từ nguồn dự phòng cấp tỉnh để phòng chống dịch Covid-19);

Căn cứ Công văn số 3171/STC-TCHCSN, ngày 17/6/2020 của Sở Tài chính về việc kinh phí hoạt động, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở điều trị các chất dạng thuốc phiện bằng methadone TTYT Thống Nhất;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-STC ngày 29/07/2020 của Sở Tài chính về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (đợt 1);

Xem xét nhu cầu sử dụng kinh phí trợ cấp, thu hút của các đơn vị trực thuộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**Chương: 423**

(Kèm theo Quyết định số 863 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:

Mã số:

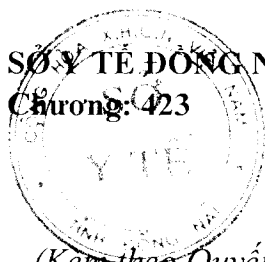
Mã KPHN nơi giao dịch:

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98.373,162273
340	Chi quản lý hành chính	1.439
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>1.439</i>
340-341	- Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)	74
340-341	- Trợ cấp thôi việc	113
340-341	- KP chỉnh lý tài liệu từ năm 2015 trở về trước	796
340-341	- KP chi lương cho biên chế	417
340-341	- KP chi lương cho hợp đồng 161	39
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	96.934,162273
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	<i>15.864</i>
130-132	- KP hoạt động của BV Phổi	2.707
130-132	- Hỗ trợ một phần KP thường xuyên năm đầu tiên cho 03 BV tự đảm bảo chi TX theo ND số 85/2012/ND-CP	13.157
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>81.070,162273</i>
130-131	Y tế dự phòng	3.971,85
130-131	+ KP mua hóa chất, vật tư và kit xét nghiệm dùng trong chẩn đoán COVID-19	3.166,85
130 - 131	+ Mua thuốc phòng chống lao	805
130-131	+ Kinh phí phòng chống dịch và điều trị bệnh viêm đường hô hấp do vi rút Corona (nCoV)	-

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số

864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế

Mã số: 1.012.512

Mã KBNN nơi giao dịch: 1.761

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	58.960	58.960
340	Chi quản lý hành chính	320	320
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	320	320
340-341	- Trợ cấp Tết (cho CBCCVV)	34	34
340-341	- KP chỉnh lý tài liệu từ năm 2015 trở về trước	286	286
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	58.640	58.640
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	58.640	58.640
130 - 139	Y tế khác	58.640	58.640
130-139	- KP hoàn trả tạm ứng mua sắm TTBYT năm 2019	50.640	50.640
130-139	- Bổ sung KP mua sắm TBYT	8.000	8.000

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số

864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

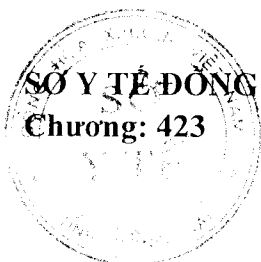
Đơn vị: **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm**

Mã số: **1075022**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	606	606
340	Chi quản lý hành chính	606	606
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	606	606
340-341	- Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)	21	21
340-341	- Trợ cấp thôi việc	32	32
340-341	- KP chỉnh lý tài liệu từ năm 2015 trở về trước	413	413
340-341	- KP chi lương cho biên chế	101	101
340-341	- KP chi lương cho hợp đồng 161	39	39



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Chi cục Dân số KHHGD**

Mã số: **1062436**

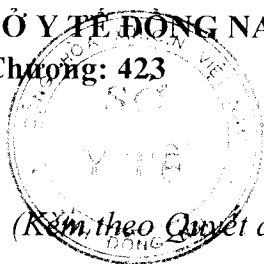
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	513	513
340	Chi quản lý hành chính	513	513
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	513	513
340-341	- Trợ cấp Tết (cho CBCCVC)	19	19
340-341	- Trợ cấp thôi việc	81	81
340-341	- KP chỉnh lý tài liệu từ năm 2015 trở về trước	97	97
340-341	- KP chi lương cho biên chế	316	316

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

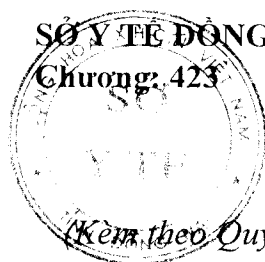
(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện đa khoa Đồng Nai**

Mã số: **1073798**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.142,65	1.142,65
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.142,65	1.142,65
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>1.142,65</i>	<i>1.142,65</i>
130-131	Y tế dự phòng	(33,15)	-33,15
130-131	+ KP mua hóa chất, vật tư và kit xét nghiệm dùng trong chẩn đoán COVID-19	1.166,85	1.166,85
130-131	+ Kinh phí phòng chống dịch và điều trị bệnh viêm đường hô hấp do vi rút Corona (nCoV)	(1.200,00)	(1.200,00)
130 - 139	Y tế khác	1.175,80	1.175,80
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	1.175,80	1.175,80
	++ Chi cho CBCCVC	1.037,00	1.037,00
	++ Chi cho bệnh nhân	138,80	138,80



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số

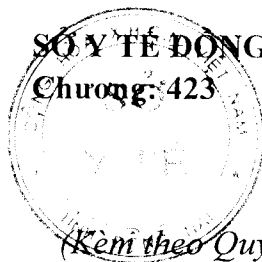
864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện đa khoa Thống Nhất**

Mã số: **1012513**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.119,60	2.119,60
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.119,60	2.119,60
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	2.119,60	2.119,60
130-131	Y tế dự phòng	1.000,00	1.000,00
130-131	+ KP mua hóa chất, vật tư và kit xét nghiệm dùng trong chẩn đoán COVID-19	1.000,00	1.000,00
130 - 139	Y tế khác	1.120	1.120
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	1.119,60	1119,6
	++ Chi cho CBCCVC	1.027,00	1027,00
	++ Chi cho bệnh nhân	92,60	92,600



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai**

Mã số: **1073743**

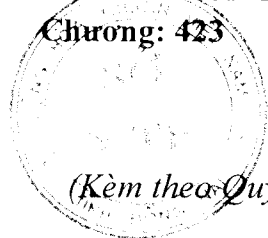
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.425,70	8.425,70
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.425,7	8.425,70
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	7.644,0	7.644,00
130-132	- Hỗ trợ một phần KP thường xuyên năm đầu tiên cho 03 BV tự đảm bảo chi TX theo ND số 85/2012/NĐ-CP	7.644,0	7.644,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	781,7	781,70
130 - 139	Y tế khác	782	782
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	781,7	781,7
	++ Chi cho CBCCVC	704,0	704,0
	++ Chi cho bệnh nhân	77,7	77,7

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện Phổi**

Mã số: **1073803**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.879,10	4.879,10
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	4.879,1	4.879,10
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	2.707,0	2.707,00
130-132	- KP hoạt động của BV Phổi	2.707,0	2.707,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	2.172,1	2.172,10
130-131	Y tế dự phòng	2.005,0	2.005,00
130 - 131	+ Mua thuốc phòng chống lao	805,0	805,0
130-131	+ Kinh phí phòng chống dịch và điều trị bệnh viêm đường hô hấp do vi rút Corona (nCoV)	1.200,0	1.200,0
130 - 139	Y tế khác	167	167
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	167,1	167,1
	++ Chi cho CBCCVC	151,0	151,0
	++ Chi cho bệnh nhân	16,1	16,1

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

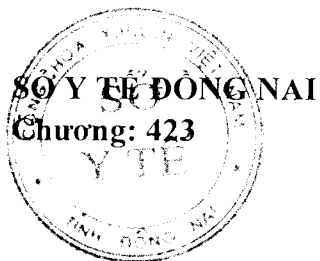
(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện Đa Liễu**

Mã số: 1073802

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	82	82
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	82	82
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	82	82
130 - 139	Y tế khác	82	82
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	82	82
	++ Chi cho CBCCVC	74	74
	++ Chi cho bệnh nhân	8	8



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện ĐKKV Long Khánh**

Mã số: **1073799**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1766**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	607	607
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	607	607
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	607	607
130 - 139	Y tế khác	607	607
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	607	607
	++ Chi cho CBCCVC	520	520
	++ Chi cho bệnh nhân	87	87

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện ĐKKV Long Thành**

Mã số: **1073794**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1767**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.753,0	2.753,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.753,0	2.753,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	1.113,5	1.113,5
130-132	- Hỗ trợ một phần KP thường xuyên năm đầu tiên cho 03 BV tự đảm bảo chi TX theo ND số 85/2012/ND-CP	1.113,5	1.113,5
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	1.639,5	1.639,5
130 - 139	Y tế khác	1.639,5	1.639,5
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	396,5	396,5
	++ Chi cho CBCCVC	379,0	379,0
	++ Chi cho bệnh nhân	17,5	17,5
130-139	- Kinh phí sửa chữa các đơn vị	1.243,0	1.243,0

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện ĐKKV Định Quán**

Mã số: 1079060

Mã KBNN nơi giao dịch: 1768

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.160,491182	5.160,491182
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	5.160,491182	5.160,491182
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	4.399,5	4.399,5
130-132	- Hỗ trợ một phần KP thường xuyên năm đầu tiên cho 03 BV tự đảm bảo chi TX theo ND số 85/2012/ND-CP	4.399,5	4.399,5
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	760,991182	760,991182
130 - 139	Y tế khác	760,991182	760,991182
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	437,5	437,5
	++ Chi cho CBCCVC	392,0	392,0
	++ Chi cho bệnh nhân	45,5	45,5
130-139	- Kinh phí sửa chữa các đơn vị	323,491182	323,491182

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

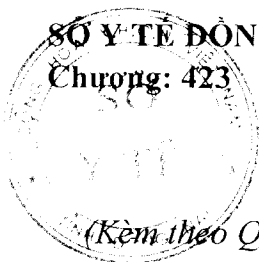
Đơn vị: **Bệnh viện Y dược cổ truyền**

Mã số: 1079061

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.827,306091	7.827,306091
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	7.827,306091	7.827,306091
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	7.827,306091	7.827,306091
130 - 139	Y tế khác	7.827,306091	7.827,306091
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	136,2	136,2
	++ Chi cho CBCCVC	135,0	135,0
	++ Chi cho bệnh nhân	1,2	1,2
130-139	- Kinh phí sửa chữa các đơn vị	7.691,106091	7.691,106091



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**

Mã số: **1128359**

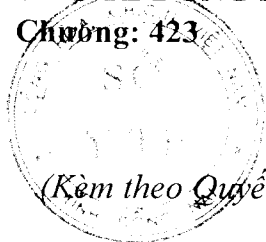
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.284	1.284
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.284	1.284
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	1.284	1.284
130-131	Y tế dự phòng	1.000	1.000
130-131	+ KP mua hóa chất, vật tư và kit xét nghiệm dùng trong chẩn đoán COVID-19	1.000	1.000
130 - 139	Y tế khác	284	284
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	284	284
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	284	284

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số

864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Kiểm nghiệm**

Mã số: **1021522**

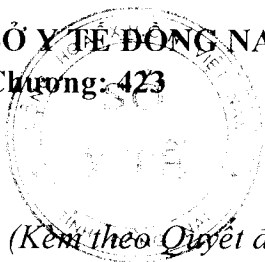
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32	32
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	32	32
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	32	32
130 - 139	Y tế khác	32	32
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	32	32
	++ Chi cho CBCCVC	32	32

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Giám định Y khoa**

Mã số: **1025640**

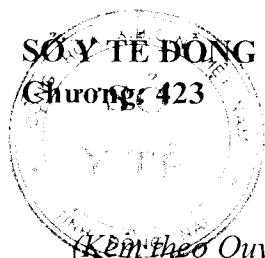
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16	16
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	16	16
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	16	16
130 - 139	Y tế khác	16	16
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	16	16
	++ Chi cho CBCCVC	16	16

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

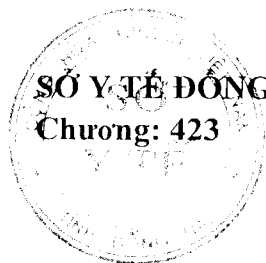
Đơn vị: **Trung tâm Pháp Y**

Mã số: **1028428**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19	19
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	19	19
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	19	19
130 - 139	Y tế khác	19	19
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	19	19
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	19	19



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **864** /QĐ-SYT ngày **13** /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa**

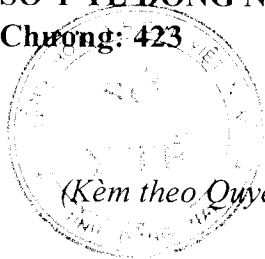
Mã số: **1065904**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	463,1	463,1
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	463,1	463,1
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	463,1	463,1
130 - 139	Y tế khác	463,1	463,1
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	463,1	463,1
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	462,0	462,0
	++ <i>Chi cho bệnh nhân</i>	1,1	1,1

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: *Trung tâm Y tế huyện Long Thành*

Mã số: 1073738

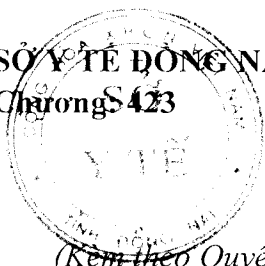
Mã KBNN nơi giao dịch: 1767

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	178	178
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	178	178
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	178	178
130 - 139	Y tế khác	178	178
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	178	178
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	178	178

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 18 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

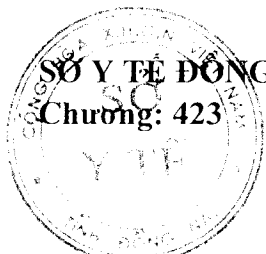
Đơn vị: **Trung tâm Y tế TP. Long Khánh**

Mã số: **1077451**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1766**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	163	163
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	163	163
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	163	163
130 - 139	Y tế khác	163	163
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	163	163
	++ Chi cho CBCCVC	163	163



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

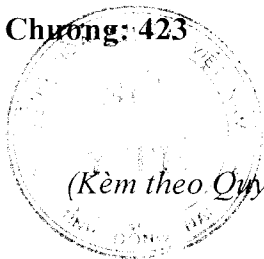
Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Định Quán**

Mã số: **1065903**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1768**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	206	206
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	206	206
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	206	206
130 - 139	Y tế khác	206	206
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	206	206
	++ Chi cho CBCCVC	206	206

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI**Chương: 423****PHỤ LỤC***(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)*Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom**Mã số: **1021518**Mã KBNN nơi giao dịch: **1764**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán
			đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	418,4	418,4
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	418,4	418,4
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	418,4	418,4
130 - 139	Y tế khác	418,4	418,4
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	418,4	418,4
	++ Chi cho CBCCVC	408,0	408,0
	++ Chi cho bệnh nhân	10,4	10,4



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

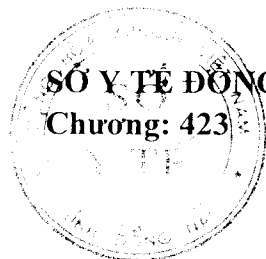
Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất**

Mã số: 1046430

Mã KBNN nơi giao dịch: 1771

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	639,115	639,115
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	639,115	639,115
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	639,115	639,115
130 - 139	Y tế khác	639,115	639,115
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	281,4	281,4
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	279	279
	++ <i>Chi cho bệnh nhân</i>	2,4	2,4
130-139	- Kinh phí triển khai điểm methadone	357,715	357,715



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

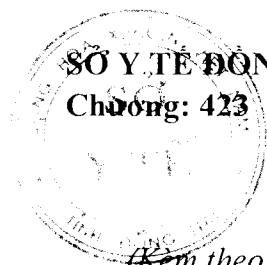
Đơn vị: *Trung tâm Y tế huyện Tân Phú*

Mã số: 1073805

Mã KBNN nơi giao dịch: 1763

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán
			đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	371,7	371,7
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	371,7	371,7
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	371,7	371,7
130 - 139	Y tế khác	371,7	371,7
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	371,7	371,7
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	366,0	366,0
	++ <i>Chi cho bệnh nhân</i>	5,7	5,7



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

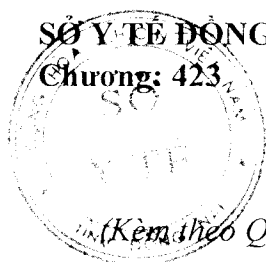
Đơn vị: *Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc*

Mã số: 1025637

Mã KBNN nơi giao dịch: 1765

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	465,5	465,5
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	465,5	465,5
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	465,5	465,5
130 - 139	Y tế khác	466	466
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	465,5	465,5
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	457,0	457,0
	++ <i>Chi cho bệnh nhân</i>	8,5	8,5



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13/8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu**

Mã số: 1027521

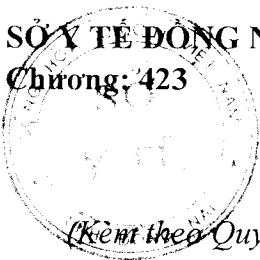
Mã KBNN nơi giao dịch: 1762

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán
			đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	406,2	406,2
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	406,2	406,2
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	406,2	406,2
130 - 139	Y tế khác	406	406
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	406,2	406,2
	++ Chi cho CBCCVC	403,0	403,0
	++ Chi cho bệnh nhân	3,2	3,2

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 864 /QĐ-SYT ngày 13 /8/2020 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch**

Mã số: 1046172

Mã KBNN nơi giao dịch: 1769

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	
			Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	293,5	293,5
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	293,5	293,5
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	293,5	293,5
130 - 139	Y tế khác	293,5	293,5
130-139	- Kinh phí trợ cấp Tết (SNYT)	293,5	293,5
	++ Chi cho CBCCVC	290,0	290,0
	++ Chi cho bệnh nhân	3,5	3,5